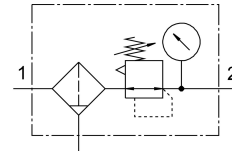


Bộ lọc điều áp LFRS-1/2-D-MIDI

Số bộ phận: 194756

FESTO



Bảng dữ liệu

| Đặc tính | Giá trị |
|---------------------------------------|---|
| Kích thước | Midi |
| Dòng | D |
| bảo vệ hành động | Núm xoay với khóa tích hợp |
| Vị trí lắp đặt | đọc +/- 5° |
| Độ mịn bộ lọc | 40 µm |
| Cổng xả nước ngưng tụ | xoay thủ công |
| Cấu trúc xây dựng | Bộ điều chỉnh bộ lọc với áp kế |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa | 43 cm ³ |
| Bảo vệ vỏ | Giò bảo vệ kim loại |
| Bộ hiển thị áp suất | với áp kế |
| Áp suất vận hành | 1 bar...16 bar |
| Phạm vi điều chỉnh áp suất | 0.5 bar...12 bar |
| Độ trễ áp suất tối đa | 0.2 bar |
| Lưu lượng định mức thông thường | 3400 l/min |
| Môi chất vận hành | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:9:-] Khí trơ |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 2 - bị ăn mòn vừa phải |
| Tuân thủ LABS | VDMA24364-B1/B2-L |
| Nhiệt độ bảo quản | -10 °C...60 °C |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:8:4] Khí trơ |
| Nhiệt độ trung bình | -10 °C...60 °C |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -10 °C...60 °C |
| trọng lượng sản phẩm | 1160 g |
| Kiểu gắn | tùy ý: Lắp đặt đường dây với phụ kiện |
| Cổng nối khí nén 1 | G1/2 |
| Cổng nối khí nén 2 | G1/2 |
| Ghi chú vật liệu | Tuân thủ RoHS |
| Vật liệu vỏ | Kém đúc áp lực PC |

